

Số: /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 02 VÀ 02 THÁNG NĂM 2023

Ước tính kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 02 và 02 tháng năm 2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học. Xu hướng tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Vụ Đông Xuân

Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 10.675,1 ha, giảm 2,3% so với cùng kỳ, trong đó giảm chủ yếu diện tích gieo trồng lúa, ngô, mía, rau tại huyện Hóc Môn và quận Bình Tân do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

Diện tích gieo cấy lúa đạt 4.243,0 ha giảm 3,6% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng ngô đạt 209,0 ha, giảm 4,7%; sản lượng sơ bộ đạt 417,8 tấn, giảm 1,5%.

Diện tích trồng sản mỳ đạt 71,0 ha, tăng 0,6%.

Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại ước đạt 2.031,8 ha, giảm 0,4% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 63.234,9 tấn, tăng 0,4%.

Tình hình sinh vật gây hại:

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.441,1 ha, tăng 28,5% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau 568,2 ha, giảm 17,6%; diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trừ là 2.838,7 lượt ha, tăng 10,1%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu cuốn lá nhỏ, chuột và ốc bươu vàng.

1.1.2. Chăn nuôi

Tháng 02/2023, Thành phố tiếp tục ghi nhận sự duy trì ổn định về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Tổng đàn trâu, bò, lợn và gia cầm có sự ổn định. Cụ thể:

- Đàn trâu ước tính có 3.105 con.
- Đàn bò ước tính có 99.056 con, giảm 3,8%, trong đó đàn bò sữa có 75.612 con, giảm 0,1%.
- Đàn lợn thịt ước tính có 203.126 con, tăng 0,3%.
- Đàn gia cầm có 333,0 nghìn con, tăng 0,3%, trong đó đàn gà có 285,0 nghìn con, chiếm 85,8% tổng đàn gia cầm.

1.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện nay khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản tại thành phố hiện nay còn rất ít, chủ yếu là củi tận thu từ rừng phòng hộ và sản lượng gỗ chủ yếu từ một số hộ dân trồng tràm tại huyện Bình Chánh.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 02 năm 2023 ước thực hiện 4.525,0 tấn, tăng 9,3% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.360,0 tấn, tăng 5,9%; sản lượng tôm ước đạt 1.038,0 tấn, tăng 1,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.127,0 tấn, tăng 16%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

– Sản lượng thủy sản khai thác tháng 02 năm 2023 ước thực hiện 1.225,0 tấn, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 640,0 tấn, tăng 15,0%; sản lượng tôm ước đạt 152,0 tấn, tăng 9,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 220,0 tấn, tăng 8,4%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 02 năm 2023 ước đạt 3.300,0 tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 650,0 tấn, giảm 2,8%; sản lượng tôm ước đạt 850,0 tấn, bằng 100%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 1.800 tấn, tăng 17,6%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 15/02/2023)

Tôm sú: Hiện có 226 lượt hộ thả nuôi với 27,5 triệu con giống trên diện tích 3.231,8 ha. Diện tích thả nuôi bằng 100% so với cùng kỳ, số lượng con giống tăng 16,0%.

Tôm thẻ chân trắng: Có 214 lượt hộ thả nuôi với 94,4 triệu con giống trên diện tích 166,9 ha. Diện tích thả nuôi tăng 24,0% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 15,5%.

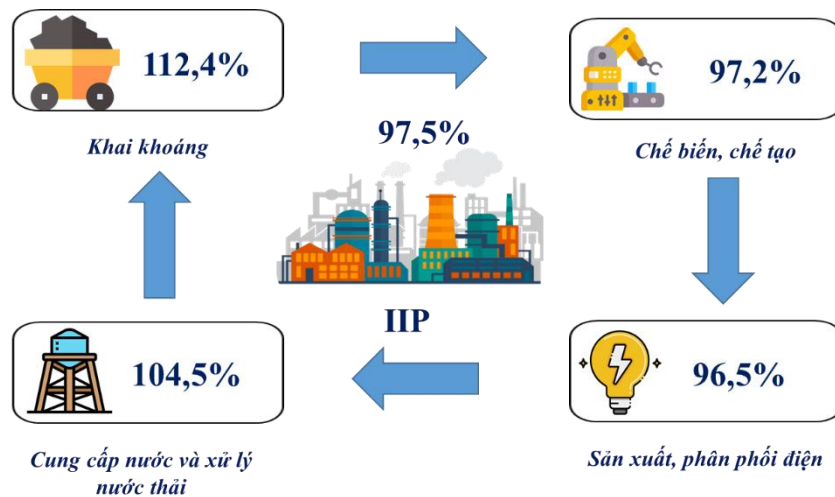
Trong tháng đã có 05 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 2,5 ha, số lượng con giống thiệt hại là 1,0 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 150 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02 năm 2023 ước tính tăng 12,4% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 4,8% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,9% so với tháng trước và tăng 13,0% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 5,6% so với tháng trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố giảm 2,5% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 12,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,8%; sản xuất và phân phối điện giảm 3,5%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 4,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 15/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất đồ uống tăng 66,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 41,0%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 27,9%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 40,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 26,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 25,6%; sản xuất trang phục giảm 20,6%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 02 tháng đầu năm
so với cùng kỳ**

Đơn vị tính: %

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	102,4	104,7	98,8	97,5
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	209,0	23,6	426,4	112,4
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	101,9	105,7	97,9	97,2
3. SX và phân phối điện	103,8	100,9	101,0	96,5
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	99,3	99,8	101,8	104,5
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	93,6	107,2	105,8	101,5
2. Sản xuất đồ uống	94,8	120,1	87,0	166,6
3. Sản xuất trang phục	97,9	76,7	109,7	79,4
4. Sản xuất da và SP liên quan	109,1	82,2	90,8	82,0
5. SX hóa chất và SP hóa chất	109,2	105,3	109,2	105,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	95,7	100,5	132,4	141,0
7. SP từ khoáng kim loại	96,9	114,4	99,5	73,5
8. Sản xuất SP điện tử	113,8	130,2	84,0	83,1
9. Sản xuất thiết bị điện	96,6	125,4	104,6	94,1
10. Sản xuất xe có động cơ	127,6	91,7	111,0	104,5

Đối với 04 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 02 tháng đầu năm 2023 tăng 8,6% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành lương thực thực phẩm và đồ uống tăng 25,2%, ngành hóa dược tăng 21,8%; ngành cơ khí giảm 10,4%; ngành sản xuất hàng điện tử giảm 16,9%.

Đối với 03 ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 02 tháng đầu năm 2023 giảm 17,7% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt giảm 8,3%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 18,0%; sản xuất trang phục giảm 20,6%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 02 tháng đầu năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ như: Bia chai, lon tăng 64,0%; bao bì đóng gói bằng plastic tăng 51,0%; sữa hoặc kem đặc có hoặc không có đường tăng 27,4%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 68,2%; sắt, thép các loại giảm 37,3%; xi măng giảm 32,5%; quần áo các loại trừ quần áo thể thao giảm 22,5%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02 năm 2023 ước tính tăng 9,3% so với tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp giảm 3,3% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất sản

phẩm từ cao su và plastic tăng 66,9%; sản xuất đồ uống tăng 50,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 34,5%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 20,0%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Sản xuất kim loại giảm 51,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 46,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 31,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 29,3%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 02 năm 2023 ước tính tăng 8,8% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất kim loại tăng 91,2%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 79,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 70,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 53,2%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 49,1%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 35,9%; sản xuất thiết bị điện giảm 33,1%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 02 năm 2023 tăng 0,2% so với tháng trước và giảm 3,2% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, chỉ số lao động giảm 2,5% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất đồ uống tăng 40,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 18,7%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 10,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 9,8%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Thoát nước và xử lý nước thải giảm 32,9%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 19,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 18,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 10,8%.

3. Hoạt động doanh nghiệp

3.1 Đăng ký thành lập doanh nghiệp trong nước

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/02/2023, Thành phố đã cấp phép 5.315 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 39.372,3 tỷ đồng, tăng 13,1% về giấy phép và giảm 42,7% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 4.314 doanh nghiệp thành lập, tăng 16,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 30.670,2 tỷ đồng, giảm 49,7%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 4.853 đơn vị, tăng 18,7% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 28.475,7 tỷ đồng, giảm 32,3% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 395 đơn vị, giảm 31,2%; vốn đăng ký 10.864,2 tỷ đồng, giảm 59,2%. Doanh nghiệp tư nhân 66 đơn vị, tăng 78,4%; vốn đăng ký 27,4 tỷ đồng, tăng 30,1%.

Phân theo loại hình kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 18 đơn vị với vốn đăng ký đạt 325,1 tỷ đồng, tương đương về cấp phép và tăng 82,2% về vốn so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 983 doanh nghiệp, tăng 1,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 8.377,1 tỷ đồng, tăng 11,9%. Trong đó, ngành xây dựng có 443 doanh nghiệp, tăng 7,5%, vốn đạt 5.354,7 tỷ đồng, tăng 57,4%; nhóm ngành công nghiệp có 540 đơn vị với số vốn đăng ký đạt 3.022,3 tỷ đồng, giảm 26,0% về vốn.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 4.314 doanh nghiệp, tăng 16,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 30.670,2 tỷ đồng, giảm 49,7%. Trong đó, thương nghiệp có 2.229 đơn vị với vốn đăng ký đạt 13.485,6 tỷ đồng, tăng 20,4% về vốn; vận tải kho bãi có 228 đơn vị với vốn đăng ký đạt 3.880,2 tỷ đồng, tăng 251,9%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 280 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.090,2 tỷ đồng, tăng 76,7%; kinh doanh bất động sản có 144 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 2.463,2 tỷ đồng, giảm 84,2%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 566 doanh nghiệp với vốn đăng ký 3.712,4 tỷ đồng, tăng 43,0%.

3.2 Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/02/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố đạt 332,3 triệu USD, tăng 43,1% so với cùng kỳ, trong đó:

- **Cấp mới** giấy chứng nhận đầu tư 101 dự án với vốn đăng ký 97,7 triệu USD, tăng 22,8% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động xây dựng có 02 dự án, vốn đăng ký 54,5 triệu USD, chiếm 54,8% vốn đăng ký cấp mới; kế đến là hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 39 dự án, vốn đăng ký 31,3 triệu USD, chiếm 32,0%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 30 dự án, vốn đăng ký 7,4 triệu USD, chiếm 7,6%; hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 02 dự án, vốn đăng ký 3,0 triệu USD, chiếm 3,1%. Singapore là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 23 dự án, vốn đăng ký 76,6 triệu USD, chiếm đến 78,4% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 09 dự án, vốn đăng ký 4,8 triệu USD, chiếm 4,9%; Đài Loan 04 dự án, vốn đăng ký 4,2 triệu USD, chiếm 4,3%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 29 lượt dự án với số vốn tăng 47,6 triệu USD. Trong đó, hoạt động thông tin và truyền thông có 13 dự án, vốn đăng ký 22,2 triệu USD, chiếm 46,6% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy 06 dự án, vốn đăng ký 19,1 triệu USD, chiếm 40,1%. Hàn Quốc là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 02 tháng đầu năm 2023 đạt 16,4 triệu USD, chiếm 34,4% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 275 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 187,0 triệu USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 130,5 triệu USD, chiếm 69,8% tổng vốn góp; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 33,0 triệu USD, chiếm 17,6%; hoạt động vận tải kho bãi 7,7 triệu USD, chiếm 4,1%; hoạt động kinh doanh bất động sản 6,1 triệu USD, chiếm 3,3%. Singapore và Hàn Quốc là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 64,3% và 11,7%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố

(từ ngày 01/01/2023 đến 20/02/2023)

	Năm 2023		% so với cùng kỳ năm 2022	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		332,3		143,1
- Dự án cấp mới	101	97,7	144,3	122,8
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	29	47,6	152,6	542,0
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	275	187,0	102,2	115,9

Tính đến ngày 20/02/2023, trên địa bàn Thành phố có 11.447 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đạt gần 56,33 tỷ USD (*Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước*); 24.565 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước với vốn góp đăng ký tương đương 23,98 tỷ USD. Tính chung tổng giá trị vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, vốn đầu tư tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp vào Thành phố đạt gần 80,31 tỷ USD

4. Thương mại, dịch vụ và vận tải

4.1. Thương mại, dịch vụ

Bước sang tháng 02, kết thúc kỳ nghỉ Tết với số ngày làm việc trở lại bình thường, các hoạt động dịch vụ như kinh doanh bất động sản, giáo dục, y tế, dịch vụ hành chính, phục vụ cá nhân cộng đồng ước tính đều tăng (cả nhóm tăng nhẹ 1,8%), trong khi hoạt động mua sắm, vui chơi giải trí bớt hẳn nhịp nên doanh thu bán lẻ hàng hóa, lưu trú ăn uống cũng như du lịch lữ hành có mức giảm khá cao (tương ứng -8,3%; -3,2% và -27,1%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh

thu dịch vụ tiêu dùng chung giảm so với tháng 01 nhưng vẫn có mức tăng so với tháng 02 năm 2022.

Tổng mức bán lẻ hàng tháng và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng</i>					
	Ước tính tháng 02 năm 2023	Cộng dồn 02 tháng năm 2023	Tháng 02 năm 2023 so với tháng trước (%)	Tháng 02 năm 2023 so với cùng kỳ (%)	02 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	85.804	176.340	94,8	106,5	106,1
Thương nghiệp	52.133	108.964	91,7	110,5	109,0
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	7.612	15.478	96,8	134,6	145,1
Dịch vụ lẻ hành	646	1.532	72,9	151,2	184,4
Dịch vụ khác	25.414	50.367	101,8	93,0	91,9

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02 ước đạt 52.133 tỷ đồng, chiếm 60,8% trong tổng mức, giảm 8,3% so với tháng trước. Diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

Ba nhóm hàng tăng cao nhất trong tháng 01 nhưng do nhu cầu mua sắm tết giảm mạnh nhất trong tháng 02: Lương thực thực phẩm chiếm tỷ trọng 18%, giảm 15,8%; hàng may mặc chiếm tỷ trọng 8,4%, giảm 11,5% và đồ dùng dụng cụ gia đình chiếm tỷ trọng 12,6%, giảm 15,6%; đây cũng là 3 nhóm hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu bán lẻ hàng hóa. Doanh thu bán ô tô và phương tiện đi lại khác đều giảm, tương ứng -12,1% và -1,3%. Xăng dầu tăng nhẹ (+1,1%), chủ yếu do giá tăng trong khi nhiên liệu khác giảm 11,6%.

So với tháng cùng kỳ, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 10,5%, trong đó lương thực thực phẩm tăng 11,2%, hàng may mặc tăng 14,7%, ô tô tăng 21,5%, phương tiện đi lại khác tăng 24,5%; xăng dầu tăng 16,8%.

Cộng dồn 02 tháng đầu năm doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 108.964 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong đó, lương thực thực phẩm tăng 13,2%, ô tô tăng 19,6%, xăng dầu tăng 13,5%.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 02 ước đạt 7.612 tỷ đồng, chiếm 8,9% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giảm 3,2% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống giảm 3%, doanh thu lưu trú giảm 5,9% so với tháng trước. **So với cùng kỳ**, doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 34,6%, trong đó dịch vụ lưu trú tăng 11,6%; dịch vụ ăn uống tăng 37,1%. **Cộng dồn 02**

tháng đầu năm doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 45,1% so với cùng kỳ, dịch vụ ăn uống tăng 49,9%; dịch vụ lưu trú tăng 6,8%

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 02 ước đạt 646 tỷ đồng, giảm 29,1% so với tháng trước, tăng 51,2% so với cùng kỳ; **cộng dồn 2 tháng** tăng 84,4%. Do doanh thu lĩnh vực này chỉ chiếm 0,8% nên ảnh hưởng không đáng kể lên tổng mức chung.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 02 ước đạt 25.414 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước (tháng trước giảm sâu 23,4%). Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng 59,6%, tăng 3,2% so với tháng trước. **So với cùng kỳ** giảm 7% trong đó ngành kinh doanh bất động sản giảm 11%. **Cộng dồn 02 tháng** ước đạt 50.367 tỷ đồng, giảm 8,1% so với cùng kỳ, trong đó kinh doanh bất động sản giảm 13%.

4.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

4.2.1. Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 02 ước đạt 21.444 tỷ đồng, tăng 4,7 % so với tháng trước và giảm 11,7% so với tháng cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm ước đạt 41.916 tỷ đồng, giảm 15,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 02 tháng ước đạt 13.199 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 22,2%, tăng 34,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 72,8%, giảm 1,9%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 1,6%, giảm 28,7% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 56,5%, giảm 15,3%; vận tải đường biển chiếm 31,4%, tăng 38,1%; vận tải đường sông chiếm 11,8%, tăng 77,7% so với cùng kỳ.

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu 02 tháng đầu năm ước đạt 4.217 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 119,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 97%, tăng 117,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 2,7%, tăng 173,4% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,0%, tăng 97,5% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 3,4%, tăng 0,6%; đường hàng không chiếm 20,0%, tăng 194,3% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 02 tháng đầu năm 2023

	Doanh thu 02 tháng (tỷ đồng)		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	13.199	4.217	103,5	219,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.900	165	134,1	108,9
Kinh tế ngoài nhà nước	10.081	3.118	98,1	217,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	218	934	71,3	273,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	7.464	2.616	84,7	197,5
Đường sắt	40	145	68,0	100,6
Đường sông	1.545	596	177,7	347,7
Đường biển	4.145	22	138,1	-
Đường hàng không	5	838	71,5	294,3

– **Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải:** Doanh thu 02 tháng ước đạt 24.500 tỷ đồng, giảm 30,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 21.857 tỷ đồng, giảm 33,0%; Bưu chính và chuyển phát đạt 2.643 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ.

4.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

– **Sản lượng vận tải hàng hóa:** Tháng 02 ước đạt 29.653 nghìn tấn, tăng 15,7% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm ước đạt 55.272 nghìn tấn, giảm 1,6% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 22,2%, tăng 35,2%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 72,8%, giảm 6,5% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 5%, giảm 28,0%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 51,9%, giảm 22,9%; vận tải đường sắt chiếm 0,1%, giảm 56,5% so với cùng kỳ.

– **Sản lượng vận tải hành khách:** Tháng 02 ước đạt 67.941 nghìn hành khách, tăng 1,4% so với tháng trước, tăng 66% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2023 ước đạt 134.955 nghìn hành khách, tăng 76,3% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 0,3%, tăng 60,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 97,0%, tăng 76,4% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 2,7%, tăng 74,1% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 73,9%, tăng 65,0%; vận tải đường sắt chiếm 0,3%, tăng 83,6% so với cùng kỳ.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng và chứng khoán

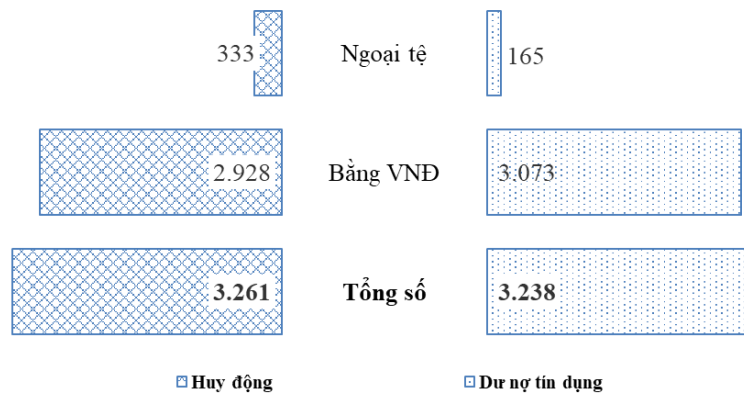
1.1. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố được điều hành theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt nam. Trong tháng 02/2023, các ngân hàng thương mại đã điều chỉnh mặt bằng lãi suất huy động và từng bước giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, thị trường. Tính đến 28/02/2023, tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước tăng 3,0% và dư nợ tín dụng tăng 11,3% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 28/02/2023 đạt 3.261 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 3,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 2.928 nghìn tỷ đồng, chiếm 89,8% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ.
- Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 333 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,2% tổng vốn huy động, tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 2,5% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(tính đến 28/02/2023 - Đvt: Nghìn tỷ đồng)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến 28/02/2023 đạt 3.238 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.073 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,9% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ.
- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 165 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,1%, tăng 1,2% so với tháng trước và giảm 19,1% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.456 nghìn tỷ đồng, chiếm 45,0% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,0% so với cùng kỳ.
- Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.782 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,0% tổng dư nợ, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ.

1.2. Thị trường chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước trong tháng 01/2023 giảm 63,6% so với tháng trước, bên cạnh đó giao dịch đã giảm 48,1% về khối lượng và giảm 45,6% về giá trị. Nhìn chung VN-Index trong tháng 01 năm 2023 có xu hướng tăng và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng, VN-Index đạt 1.111,18 điểm, tăng 10,3% so với 30/12/2022.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/01/2023, đã có 470 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 328 mã cổ phiếu, 11 mã chứng chỉ quỹ, 130 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 06 mã cổ phiếu, 09 mã chứng quyền và giảm 03 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng 01/2023, có 33 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose gồm 03 mã cổ phiếu và 30 mã chứng quyền.

Trong tháng 01 năm 2023 có 16 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 9.744,1 triệu chứng khoán và giá trị đạt 170.528,5 tỷ đồng. Tổng giao dịch giảm 48,1% về khối lượng và giảm 45,6% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 87,1% về khối lượng và chiếm 84,2% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 609,0 triệu chứng khoán với 10.658,0 tỷ đồng được giao dịch, giảm 28,6% về khối lượng và giảm 25,3% về giá trị so với tháng trước.

So với tháng 01/2022, tổng khối lượng giao dịch đã giảm 42,9% về khối lượng và giảm 69,9% về giá trị. Trung bình mỗi phiên số giao dịch đã giảm 32,3% về khối lượng và giảm 64,3% về giá trị so với cùng kỳ.

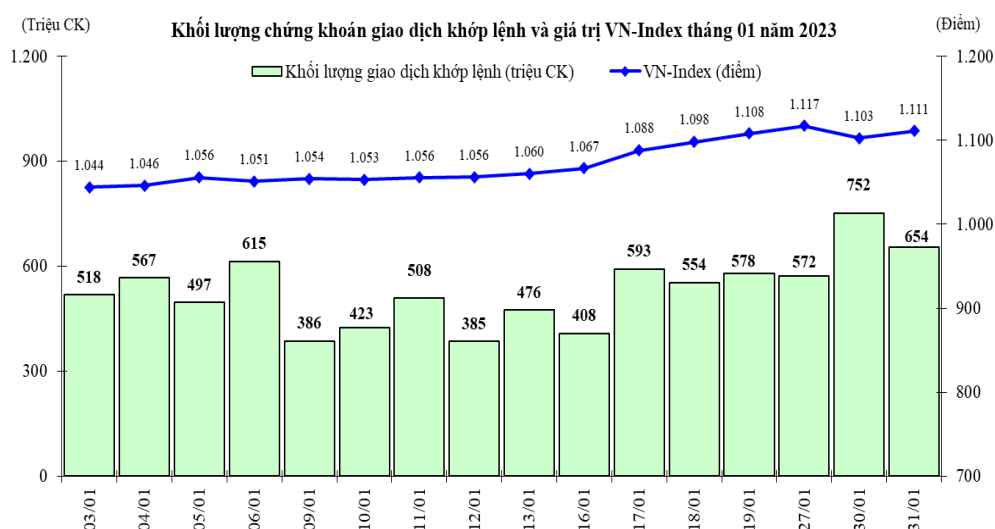
Kết quả giao dịch chứng khoán trong tháng 01 năm 2023 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch	% so sánh	
	Tháng 01/2023	Tháng 01/2023 so với tháng 12/2022	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	9.744,1	51,9	57,1
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>			
- Cổ phiếu	7.594,8	52,5	52,0
- Trái phiếu	2,1	91,3	12,9
- Chứng chỉ quỹ & ETF	125,7	63,2	150,9
- Chứng quyền	2.021,5	49,2	85,4
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>			
- Giao dịch khớp lệnh	8.484,1	51,5	51,7

	Kết quả giao dịch	% so sánh	
	Tháng 01/2023	Tháng 01/2023 so với tháng 12/2022	So với cùng kỳ
- Giao dịch thoả thuận	1.260,0	55,2	184,5
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	170.528,5	54,4	30,1
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>			
- Cổ phiếu	132.990,1	54,9	27,9
- Trái phiếu	7,8	84,8	4,1
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.463,1	65,8	112,7
- Chứng quyền	35.067,5	51,7	39,9
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>			
- Giao dịch khớp lệnh	143.559,3	54,0	29,4
- Giao dịch thoả thuận	26.969,2	56,6	33,9

Chỉ số VN-Index tháng 01 năm 2023, với 16 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 13 phiên tăng điểm và 03 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch đầu năm 2023, thị trường chứng khoán đã khởi sắc trở lại khi VN-Index đạt 1.043,90 điểm, tăng 3,7% (tương ứng tăng 36,81 điểm) so với 30/12/2022. Nhìn chung thị trường chứng khoán trong tháng 01 năm 2023 có xu hướng phục hồi, VN-Index đạt giá trị cao nhất trong tháng ở mức 1.117,10 điểm, sau đó giảm nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 01/2023 khi VN-Index đạt 1.111,18 điểm, tăng 10,3% (tương ứng tăng 104,09 điểm) so với 30/12/2022; tăng 6,4% (tương ứng tăng 67,28 điểm) so với phiên đầu tiên của tháng; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.433.603 tỷ đồng, gấp 3 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.



Phiên giao dịch ngày 21/02/2023 đã có 483 mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 334 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 136

mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.082,23 điểm, tăng 7,5% (tương ứng tăng 75,14 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.315.768 tỷ đồng.

2. Đầu tư và Xây dựng

2.1. Đầu tư phát triển

Năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước là 70.518,1 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 13.584,4 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách Trung ương nước ngoài: 1.412,6 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư công cân đối từ ngân sách Thành phố: 55.225,1 tỷ đồng.

Tổng số vốn được UBND Thành phố triển khai đợt 01 là 39.551,4 tỷ đồng. Với việc xác định năm 2023 là trọng điểm của kế hoạch đầu tư công trung dài hạn giai đoạn 2021-2025, ngay từ những tháng đầu năm Lãnh đạo Thành phố yêu cầu các đơn vị liên quan phải xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên, khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của các dự án.

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 02 năm 2023 đạt 1.435,3 tỷ đồng, giảm 13,4% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng đầu năm đạt 2.941,3 tỷ đồng, tăng 75,0% so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách tháng 02 năm 2023

Đvt: Tỷ đồng

	Kế hoạch năm 2023	Ước tính tháng 02 năm 2023	Ước tính 02 tháng năm 2023	02 tháng đầu năm 2023 so với kế hoạch (%)	02 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	70.518,1	1.435,3	2.941,3	4,2	175,0
Vốn ngân sách Nhà nước cấp Thành phố	70.518,1	1.435,3	2.941,3	4,2	175,0
Vốn bội chi ngân sách Thành phố	5.871,4				
Vốn cân đối ngân sách Thành phố	49.353,8	1.390,2	2.850,4	5,8	198,7
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	12.844,7	185,8	376,7	2,9	199,8
<i>Xổ số kiến thiết</i>	3.998,4	79,6	217,3	5,4	516,2
Vốn Trung ương cấp Thành phố quản lý	15.293,0	45,1	90,9	0,6	82,9
<i>Trong đó: Vốn nước ngoài (ODA)</i>	1.412,6	45,1	90,9	6,4	163,7

2.2. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Trung ương đã giao Thành phố thực hiện 06 đề án lớn: Xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế; xây dựng cơ chế và hình thành trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng Thành phố trở thành trung tâm kết nối sân giao dịch công nghệ; xây dựng cảng trung chuyển container tại Cần Giờ; hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc theo vành đai 3 và 4, kết hợp xây dựng các tuyến cao tốc giữa TPHCM với Mộc Bài (Tây Ninh), Chơn Thành, Long Thành (mở rộng), Trung Lương - Mỹ Thuận (mở rộng) và phát triển chuỗi công nghiệp, đô thị Mộc Bài - TPHCM - Cái Mép.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên): Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty vận hành và khai thác (O&M) có chức năng vận hành toàn tuyến Metro số 1 tại Depot Long Bình thành phố Thủ Đức. Diện tích xây dựng là 1.568,1 m² với quy mô chủ yếu gồm 02 tầng với diện tích sử dụng khoảng 3.104 m². Đây là hạng mục đánh dấu những bước cuối cùng trong công tác thi công tuyến Metro số 1 vào cuối năm 2023 để chuyển giao sang công tác vận hành, khai thác trong năm 2024.

Dự án tuyến đường sắt đô thị số 2 Bến Thành - Tham Lương: Thành phố đã cơ bản hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán bồi thường và đang tiến hành đấu thầu xây lắp di dời công trình điện; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024 để sẵn sàng bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu chính (thi công đoạn đi ngầm, trên cao) vào năm 2025.

Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh: Để đẩy nhanh tiến độ dự án, Thành phố yêu cầu Sở, ban, ngành, quận, huyện khẩn trương, tập trung trong công tác phối hợp, tham gia ý kiến góp ý đối với lĩnh vực phụ trách. Thành phố chuẩn bị thành lập tổ công tác chuyên trách về mỏ vật liệu xây dựng để rà soát số lượng, trữ lượng mỏ vật liệu xây dựng cùng phương án khai thác mỏ đảm bảo nguồn cung vật liệu để khởi công dự án đường vành đai 3 vào tháng 6 năm 2023.

Thành phố đề xuất siêu dự án đường sắt: Tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đoạn tuyến qua địa bàn thành phố có chiều dài khoảng 174km, đường khổ đôi 1.435mm, tốc độ thiết kế khoảng 190km/h cho tàu khách và 120km/h cho tàu hàng. Tổng vốn đầu tư sơ bộ của dự án trên 9 tỷ USD. Theo phương án nghiên cứu tiền khả thi, tuyến đường sắt có điểm đầu là ga An Bình (Bình Dương), điểm cuối là ga Cái Răng. Toàn tuyến có 13 nhà ga, đi qua 6 tỉnh, thành gồm Bình Dương, TP.HCM, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long và Cần Thơ.

2.3. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 01, toàn Thành phố đã cấp 1.378 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 với diện tích sàn 276,0 nghìn m², giảm 64,6% về giấy phép so với cùng kỳ và giảm 66,8% về diện tích.

Trong đó, cấp cho xây dựng mới 3.529 giấy phép với diện tích 823,9 nghìn m², giảm 64,0% về giấy phép so với cùng kỳ và giảm 67,6% về diện tích; cấp cho sửa chữa lớn nhà 107 giấy phép với diện tích 8,8 nghìn m²; tăng 84,5% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 4,3% về diện tích.

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố 02 tháng đầu năm 2023 tăng 5,9% so với cùng kỳ và chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tăng 12,0%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 02 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 93.151 tỷ đồng, đạt 19,8% dự toán và tăng 5,9% so với cùng kỳ. Cụ thể:

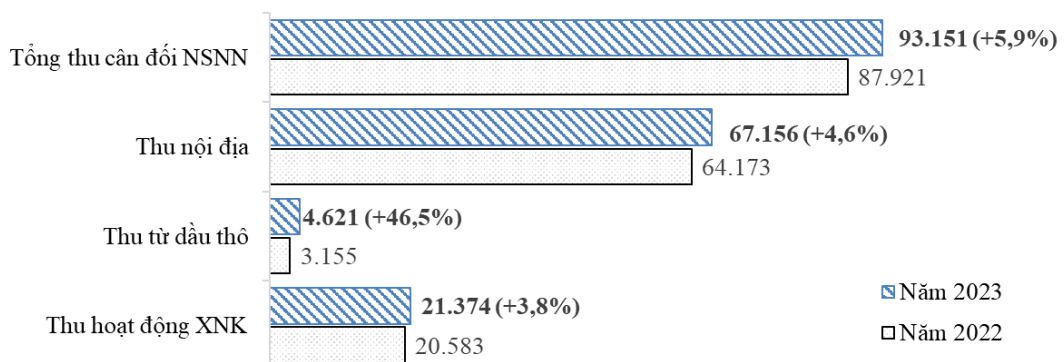
- Thu nội địa ước thực hiện 67.156 tỷ đồng, đạt 21,8% dự toán, chiếm 72,1% tổng thu cân đối và tăng 4,6% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 6.688 tỷ đồng, đạt 21,5% dự toán, chiếm 7,2% tổng thu và tăng 17,1%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 24.192 tỷ đồng, đạt 27,8% dự toán, chiếm 26,0% tổng thu và tăng 37,7%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 17.198 tỷ đồng, đạt 27,8% dự toán, chiếm 18,5% tổng thu và tăng 17,3%.

- Thu dầu thô ước thực hiện 4.621 tỷ đồng, đạt 28,9% dự toán, chiếm 5,0% tổng thu cân đối và tăng 46,5%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 21.374 tỷ đồng, đạt 14,7% dự toán, chiếm 23,0% tổng thu cân đối và tăng 3,8%.

Thu cân đối ngân sách địa phương 02 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện 31.369 tỷ đồng, đạt 26,8% dự toán, chiếm 33,7% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 30,1% so với cùng kỳ.

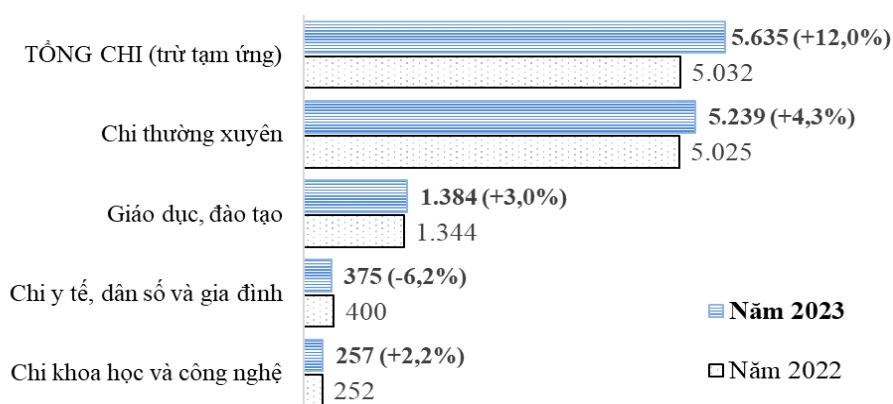
Thu ngân sách Nhà nước 02 tháng đầu năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 02 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 5.635 tỷ đồng, đạt 4,5% dự toán và tăng 12% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 5.483 tỷ đồng, đạt 5,0% dự toán và tăng 9,0% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 243 tỷ đồng, đạt 0,5% dự toán.
- Chi thường xuyên ước thực hiện 5.239 tỷ đồng, đạt 8,7% dự toán và tăng 4,3%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 1.384 tỷ đồng, đạt 6,6% dự toán và tăng 3,0%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 375 tỷ đồng, đạt 5,9% dự toán và giảm 6,2%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 257 tỷ đồng, đạt 26,8% dự toán và tăng 2,2%.

Chi ngân sách địa phương 02 tháng đầu năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế (từ ngày 16/01/2023 đến ngày 15/02/2023)

– **Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH):** Số ca mắc trong tháng là 2.292 ca giảm 44,5% (-1.841 ca) so với cùng kỳ, không có ca tử vong.

– **Tình hình bệnh Tay Chân Miệng (TCM):** Số ca mắc trong tháng là 222 ca, giảm 46,0% so với cùng kỳ, không có trường hợp tử vong.

– **Tình hình bệnh Covid-19:** Số ca mắc trong tháng là 38 ca, giảm 84,0% so với tháng trước.

Tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã tiêm, tính đến ngày 15/02/2023 là 23.589.393 liều. Trong đó: Tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 20.954.412 liều; tiêm cho trẻ từ 12 tuổi đến 18 tuổi là 1.759.024 liều; tiêm cho trẻ từ 05 tuổi đến 12 tuổi là 875.949 liều.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị:

Trong tháng, ngành Y tế đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai các hoạt động trọng tâm liên quan đến công tác khám chữa bệnh năm 2023; chuẩn bị công tác tổ chức Hội nghị “Đánh giá hiệu quả và định hướng phát triển kỹ thuật y tế chuyên sâu tại Thành phố Hồ Chí Minh”, dự kiến tháng 6 năm 2023; cử bác sỹ

lun phiên tham gia hỗ trợ khám chữa bệnh ban đầu cho người dân tại xã Thạnh An, huyện Cần Giờ.

2. Hoạt động giáo dục

Tiếp tục triển khai các Đề án nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030; đề án Giáo dục thông minh và Học tập suốt đời giai đoạn 2021-2030; đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế 08 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông, cơ khí - tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, quản trị doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng, y tế, du lịch, quản lý đô thị), đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, công tác cải cách hành chính trong ngành giáo dục.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện việc đưa trí tuệ nhân tạo AI vào các trường trung học từ năm học 2022-2023.

3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người dân và thu hút khách du lịch. Trong đó, tổ chức Lễ hội Nguyên Tiêu từ ngày 02 đến ngày 05 tháng 02 năm 2023 (tức 12 - 15 tháng Giêng Âm lịch); chương trình nghệ thuật kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023) tại phía trước Nhà hát Thành phố với chủ đề “Tự hào Đảng quang vinh”; chương trình Đêm thơ Việt Nam – năm 2023 tại Công viên Văn Lang (Quận 5) với chủ đề “ Gieo vắn yêu thương - Sức sống ngày mới ”; lễ hội Việt - Nhật lần thứ 8, kỷ niệm 50 năm thiết lập Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973 - 2023).

Thành phố tổ chức “Giải chạy đêm Marathon Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023” lúc 00giờ ngày 12 tháng 02 với điểm xuất phát tại Công viên văn hóa Tao Đàn, thu hút sự tham dự của 10.000 vận động viên chuyên nghiệp, bán chuyên và phong trào trong nước cũng như quốc tế. Vận động viên thi đấu ở 04 cự ly 5km, 10km, 21km và 42km với nhiều giải thưởng có tổng trị giá lên đến gần 1 tỷ đồng. Lộ trình thi đấu được Hiệp hội Marathon quốc tế (AIMS) cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thi đấu, các vận động viên có thể dùng kết quả tại giải làm một phần tiêu chí tham gia các giải chạy quốc tế lớn như: Boston Marathon, New York City Marathon, Berlin Marathon...

Ủy ban Nhân dân Quận 1 dự kiến tổ chức giải chạy “District 1 Midnight Run 2023” vào đêm 26/3/2023 tại khu vực phố đi bộ Nguyễn Huệ và đại lộ Lê Lợi¹.

¹ <http://svhtt.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/quang-ba-quan-1-thong-qua-hoat-dong-the-thao-24055-1943.html>

Các vận động viên sẽ trải nghiệm cung đường chạy qua các địa danh tiêu biểu của Quận 1 như Ủy ban Nhân dân Thành phố, Nhà thờ Đức Bà, Bến Bạch Đằng, Dinh Độc lập, chợ Bến Thành, Thảo cầm viên... Sự kiện này nhằm quảng bá hình ảnh, văn hóa, lịch sử và truyền thống Quận 1 nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung đến bạn bè quốc tế.

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ 16/01/2023 đến 15/02/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông:

Trong tháng, xảy ra 120 vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 29,0% so với cùng kỳ, làm chết 44 người, giảm 18,5%; bị thương 71 người, giảm 38,3%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ:

Trong tháng, xảy ra 09 vụ cháy, giảm 47,1% so với cùng kỳ; không gây thiệt hại về người, 01 người bị thương; trị giá tài sản thiệt hại khoảng 2 triệu đồng (còn 07 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế:

Trong tháng đã phát hiện và xử lý 229 vụ, 175 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế và buôn lậu, thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá 01 tỷ đồng; khởi tố 65 vụ, 09 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 164 vụ, 117 đối tượng, 49 tổ chức với tổng số tiền phạt hơn 4,4 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 140 vụ, 318 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 100 vụ, 142 bị can, xử lý hành chính 39 vụ, 175 đối tượng; thu giữ 21,2183 kg Heroin; 17,07 gram Cần sa; 18,64 kg ma túy tổng hợp

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội:

Trong tháng, ghi nhận 281 vụ, tăng 16,1% so với cùng kỳ; làm chết 06 người, bị thương 29 người, tài sản thiệt hại khoảng 3 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 182/281 vụ (đạt 64,8%) và bắt 358 đối tượng, triệt phá 07 băng nhóm tội phạm có tổ chức về hình sự.

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 26.958 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 02 tháng là 54.227/300.000 lượt người, đạt 18,1% kế hoạch năm.

Về tạo việc làm mới: Trong tháng có 12.198 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới trong 02 tháng là 24.763/140.000, đạt 17,7% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng Hai là 133 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

Trong tháng, đã tiếp nhận 6.109 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 8.344 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2023.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng